TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2024
"V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị Oanh - anh Hoan"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Đức

- ***Các Hội thẩm nhân dân***: Ông Nguyễn Văn Diệu, Bà Phạm Thị Loan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đăng Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà****: Bà Nguyễn Thị Hiền*- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLST–HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐHPT-ST ngày 19/4/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- ***Bị đơn:*** Anh Đào Văn H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ A, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị O, anh H vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị O trình bày: Chị và anh Đào Văn H tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q vào ngày 18/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thị trấn A, sau đó chuyển ra xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng sinh sống và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2021 mâu thuẫn trầm trọng, chị O đã chủ động trở về gia đình

bố mẹ đẻ tại xã A sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị O khai chị và anh H có 01 con chung là Đào Ngọc D, sinh ngày 03/8/2018. Con chung được chị O nuôi dưỡng kể từ thời điểm sống ly thân cho đến nay. Chị O đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị O khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Đào Văn H: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh H biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh H vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh H và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh H vắng mặt.

Tòa án đã xác minh:

- Ông Phạm Tuấn H1 là Công an viên thị trấn A, bà Đỗ Thị H2 là Công chức Tư pháp thị trấn A và ông Nguyễn Văn H3 là tổ trưởng tổ dân phố số A thị trấn A đã cung cấp hoàn cảnh điều kiện, thời gian kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị O và anh H3. Hiện tại chị O đã trở về quê sinh sống và sống ly thân. Đối với anh H3 đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ A, thị trấn A, hiện đi làm ăn tự do nhưng thường xuyên trở về nhà. Thân nhân anh H3 tại địa phương chỉ có bố đẻ nhưng cư trú tại địa phương khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị O được ly hôn anh H3; Về con chung: Xử giao con chung Đào Ngọc D, sinh ngày 03/8/2018 cho chị O được trực tiếp nuôi dưỡng, chị O không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không đặt ra giải quyết; Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thâm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn T, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái

Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị O và anh Đào Văn H được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q vào ngày 18/01/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị O và anh H sinh sống tại thị trấn A sau đó chuyển ra cư trú tại xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, thời điểm đầu năm 2021 mâu thuẫn căng thẳng, chị O đã đưa con chung trở về nhà bố mẹ đẻ tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị O làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân huyện V, thành phố Hải Phòng đề nghị xin được ly hôn anh H. Sau khi thụ lý vụ kiện qua xác minh cho thấy anh H không còn cư trú tại xã H, huyện V và đã chuyển về sinh sống tại tổ A, thị trấn A, vì vậy Tòa án nhân huyện V đã chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân huyện Q để giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh H biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh H vắng mặt. Qua xác minh lời khai ông Phạm Tuấn H1 là Công an viên thị trấn A, bà Đỗ Thị H2 là Công chức Tư pháp thị trấn A và ông Nguyễn Văn H3 là tổ trưởng tổ dân phố số 10 là thị trấn A đều xác nhận thực trang cuộc hôn nhân giữa chị O và anh H3 đã mâu thuẫn và sống ly thân, hiện tại anh H3 cư trú tại tổ A, thị trấn A nhưng đi lao động tự do, thân nhân của anh H3 không còn ai tại địa phương. Quan điểm của ông H3 và bà H2 đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân và giải quyết nguyện vọng của chị O theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị O vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh H3. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị O và anh H3 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị O được ly hôn anh H3 là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị O và anh H3 có 01 con chung là Đào Ngọc D, sinh ngày 03/8/2018, con chung được chị O đang trực tiếp nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị O đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Qua xác minh Quan điểm của ông H3 và bà H2 đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng cuộc sống của con chung để giải quyết nguyện vọng của chị O theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần xử giao con chung cho chị O được trực tiếp nuôi dưỡng và chị O không yêu cầu anh H3 cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị O và anh H3 có quyền kháng cáo bản án theo quy

định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Đ văn H3.

2/Về con chung: Xử giao con chung Đào Ngọc D, sinh ngày 03/8/2018 cho chị O được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị O không yêu cầu anh H3 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H3 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị O đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006731 ngày 24/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh H3 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Thái Bình;
-TAND tỉnh Thái Bình;
-VKSND huyện Quỳnh Phụ;
-Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
-UBND TT An Bài;
-Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC